

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH  
Số: 46 /2018/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Bình Định, ngày 10 tháng 10 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định

SỞ TƯ PHÁP

Số: 3576

Ngày: 16/10/18

Chuyên:

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 156/TTr-SGTVT ngày 28/8/2018.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa

bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

**1. Sửa đổi Điều 5.**

**“Điều 5. Phạm vi bảo vệ trên không của công trình đường bộ**

1. Việc giải quyết các công trình tồn tại trong phạm vi đất dành cho đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 44, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Phạm vi bảo vệ trên không của công trình đường bộ (theo phương thẳng đứng) được quy định như sau:

a) Đối với đường tối thiểu là 4,75 mét tính từ điểm cao nhất của mặt đường trở lên theo phương thẳng đứng;

b) Đối với cầu là phạm vi giới hạn từ bộ phận kết cấu cao nhất của cầu nhưng không thấp hơn 4,75 mét tính từ điểm cao nhất của mặt cầu (phần xe chạy) trở lên theo phương thẳng đứng;

c) Chiều cao đường dây thông tin đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu theo phương thẳng đứng tính từ điểm cao nhất của mặt đường đến điểm thấp nhất của đường dây không nhỏ hơn 5,50 mét;

d) Chiều cao đường dây tải điện đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu theo phương thẳng đứng tính từ điểm cao nhất của mặt đường đến điểm thấp nhất của đường dây tải điện không nhỏ hơn 4,75 mét cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp theo quy định của pháp luật về điện lực”.

**2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 4 Điều 6 như sau:**

**a) Sửa đổi tên Điều 6 như sau:**

**“Điều 6. Khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang và chiều sâu đối với công trình thiết yếu”**

**b) Sửa đổi Khoản 2, Điều 6 như sau:**

“2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với cột của công trình thiết yếu phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu như sau:

a) Khoảng cách từ chân cột ăng ten viễn thông, đường dây thông tin, đường dây tải điện đến chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, trừ các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

b) Trường hợp đường bộ đi qua khu vực có địa hình phức tạp, núi cao, vực sâu, khu vực không còn mặt bằng xây dựng và đường bộ đi qua đô thị, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với cột ăng ten viễn thông, đường dây thông tin, đường dây tải điện, cột đèn chiếu sáng đường bộ được phép nhỏ hơn khoảng cách quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này nhưng phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau đây: Vị trí cột không ảnh hưởng đến tầm nhìn xe chạy và an toàn giao thông; không được đặt chân cột trên móng của hệ

thống thoát nước, hộ lan và tường kè; khoảng cách từ mép của mặt đường đến mép gần nhất của móng công trình thiết yếu không nhỏ hơn 2,0 mét và móng của công trình thiết yếu phải nằm phía ngoài rãnh, cống thoát nước. Đối với công trình điện lực, ngoài các yêu cầu trên còn phải bảo đảm an toàn điện theo quy định của pháp luật về điện lực.

Trường hợp khoảng cách từ mép của mặt đường bộ trong đô thị đến nhà dân công trình dân dụng nhỏ hơn 2,0 mét thì được phép xây dựng công trình cáp viễn thông, điện chiếu sáng đường bộ, đường dây tải điện có cấp điện áp dưới 6,0 kV nhưng phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu tính từ mép ngoài của công trình thiết yếu đến mép ngoài của mặt đường không nhỏ hơn 1,0 mét và móng, cột công trình thiết yếu phải nằm phía ngoài rãnh, cống thoát nước và không ảnh hưởng đến tầm nhìn xe chạy, an toàn giao thông và an toàn công trình”.

**c) Bổ sung Khoản 4, Điều 6 như sau:**

“4. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ phần dưới mặt đất, dưới mặt nước do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quyết định đối với từng công trình cụ thể, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình, không ảnh hưởng đến việc quản lý, bảo trì đường bộ nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Không được phép xây dựng công trình thiết yếu bên dưới móng công trình cầu, hầm, cống, tường chắn;

b) Đối với công trình thiết yếu đi dưới mặt đất trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ và phần đất bảo vệ, bảo trì công trình đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu từ mặt đất đến điểm cao nhất của công trình thiết yếu, bộ phận bảo vệ công trình thiết yếu không nhỏ hơn 0,5 mét;

c) Điểm cao nhất của công trình thiết yếu (kể cả bộ phận bao ngoài) đi bên dưới lề đường không gia cố phải cách bề mặt lề đường theo phương thẳng đứng không ít hơn 0,5 mét;

d) Các công trình đường dây tải điện, cáp thông tin, viễn thông, đường ống khí, xăng dầu, hóa chất được xây dựng bên dưới mặt đất trong phạm vi đất của đường bộ phải đặt trong hộp kỹ thuật hoặc có ống bao bảo vệ bên ngoài và phải bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn vận hành, khai thác;

đ) Việc xây dựng công trình đường dây tải điện, thông tin, viễn thông, đường ống cấp nước sạch bên dưới mặt đất tại dải phân cách giữa của đường bộ chỉ được thực hiện khi đáp ứng đồng thời các quy định sau: Không còn mặt bằng xây dựng công trình thiết yếu theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này; khoảng cách tối thiểu từ mép bao ngoài của công trình thiết yếu đến mép bó vỉa của dải phân cách giữa không nhỏ hơn 0,5 mét và phải bảo đảm các quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm d Khoản 4 Điều này;

e) Công trình đường dây tải điện xây dựng dưới mặt đất trong phạm vi đất dành cho đường bộ phải bảo đảm quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d và Điểm đ Khoản 4 Điều này, bảo đảm an toàn điện và phải đặt cột mốc, dấu hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật về điện lực”.

### 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

#### “Điều 8. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Công trình thiết yếu bao gồm:

- a) Công trình phục vụ yêu cầu đảm bảo an ninh, quốc phòng;
- b) Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bao gồm các công trình viễn thông, điện lực, công trình chiếu sáng đường bộ, cấp nước, thoát nước, xăng, dầu, khí, năng lượng, hóa chất.

2. Trường hợp không thể xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, công trình thiết yếu có thể được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ nhưng phải đảm bảo nguyên tắc sau:

a) Công trình thiết yếu phải được thiết kế, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Công trình thiết yếu không được ảnh hưởng đến công tác bảo trì, kết cấu và công năng của công trình đường bộ, đảm bảo an toàn cho giao thông đường bộ và các công trình khác ở xung quanh;

c) Công trình thiết yếu phải phù hợp với quy hoạch kiến trúc xây dựng, mỹ quan đô thị và bảo vệ môi trường.

3. Đối với công trình thiết yếu gắn vào cầu:

a) Không chấp thuận công trình đường ống cung cấp năng lượng (xăng, dầu, ga, khí đốt), đường ống hóa chất, vật liệu không bảo đảm quy định về phòng, chống cháy nổ, ăn mòn; công trình điện lực có điện áp danh định là cao áp theo quy định của pháp luật về điện lực.

Công trình điện lực chỉ được phép lắp đặt vào cầu khi đáp ứng các yêu cầu sau: thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn điện theo quy định của pháp luật về điện lực, có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn vận hành, khai thác, sửa chữa, cải tạo và bảo trì công trình đường bộ. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình điện lực có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ khi cải tạo, sửa chữa, bảo trì công trình điện lực và công trình đường bộ; xử lý, khắc phục sự cố (nếu có).

b) Đối với cầu mới được xây dựng có thiết kế hợp kỹ thuật, bộ gá đỡ để lắp đặt các công trình thiết yếu: việc chấp thuận lắp đặt công trình thiết yếu gắn vào cầu phải phù hợp với thiết kế của công trình cầu, tải trọng, kích thước và các yếu tố khác;

c) Chủ đầu tư xây dựng công trình thiết yếu phải thuê tư vấn có đủ năng lực tiến hành thẩm tra, thẩm định việc lắp đặt công trình thiết yếu đối với an toàn giao thông, an toàn công trình cầu trước khi thực hiện việc đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu gắn vào cầu.

4. Đối với công trình thiết yếu đi ngầm qua đường bộ

a) Đối với công trình đi ngầm qua đường bộ, phải thi công bằng phương

pháp khoan ngầm, trường hợp không thể khoan ngầm mới sử dụng biện pháp đào cắt mặt đường;

b) Không cho phép các công trình thiết yếu đặt trong công thoát nước ngang. Trường hợp đi qua các công kỹ thuật nếu còn đủ không gian thì cho phép chủ công trình thiết yếu lắp đặt trong công kỹ thuật;

c) Trường hợp xây dựng công trình thiết yếu ngang qua đường bộ bằng phương pháp khoan ngầm phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật sau: có đường ống hoặc hộp bao bên ngoài bằng vật liệu bền vững đảm bảo ổn định của công trình thiết yếu và phù hợp với tải trọng của đường bộ; khoảng cách từ điểm thấp nhất của mặt đường đến điểm cao nhất của công trình thiết yếu tối thiểu 01 mét nhưng không nhỏ hơn chiều dày kết cấu áo đường (trừ các trường hợp đặc biệt được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận);

d) Trường hợp phải đào cắt đường để xây dựng công trình thiết yếu ngang qua đường bộ phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật sau: phải xây dựng hầm, hào, hộp kỹ thuật, đường ống bao bảo vệ bên ngoài đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế của tuyến đường; điểm trên cùng vỏ của kết cấu hầm, hào, hộp kỹ thuật, đường ống bao bảo vệ bên ngoài phải thấp hơn đáy móng công trình đường bộ tối thiểu 0,3 mét nhưng không được cách mặt đường nhỏ hơn 1,0 mét; hầm, hào, hộp kỹ thuật phải có đủ không gian để đặt công trình thiết yếu và thực hiện công tác bảo trì công trình thiết yếu khi cần thiết, phải có quy trình vận hành khai thác, bảo trì công trình theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

5. Đối với băng tải hàng hóa, đường ống và tụy nen cấp, thoát nước sinh hoạt, phục vụ nông nghiệp và công trình thủy điện xây dựng vượt qua đường bộ phải đảm bảo theo quy định tại Khoản 5 Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải được sửa đổi, bổ sung tại Điểm d Khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi là Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải).

6. Đối với công trình tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước:

a) Không lắp đặt công trình tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong phạm vi đường cong bằng, đường cong đứng, đường dốc gây cản trở tầm nhìn;

b) Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình tuyên truyền phải được thẩm tra, thẩm định về an toàn công trình theo các quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Xử lý sự cố đối với các công trình thiết yếu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải được sửa đổi, bổ sung tại Điểm đ Khoản 5 Điều 1 của Thông

tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải.

8. Trường hợp công trình thiết yếu xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền có ý kiến chấp thuận.

9. Công trình thiết yếu được chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công, phải di chuyển kịp thời theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền mà không được bồi thường, hỗ trợ di chuyển; chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng công trình thiết yếu chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc xây dựng, di chuyển công trình thiết yếu”.

**4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:**

**“Điều 9. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác**

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án (kể cả công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng và công trình xây dựng mới), chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu phải gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét chấp thuận, thẩm quyền quy định cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đối với hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu áp dụng đối với dự án sửa chữa công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; công trình đường dây tải điện, thông tin, viễn thông vượt phía trên đường bộ có cột nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng phải bảo đảm quy định về phạm vi bảo vệ trên không, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Quy định này.

3. Trình tự, thời hạn giải quyết và hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, cấp phép thi công xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải.

4. Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị 18 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá thời hạn trên, phải làm thủ tục gia hạn và chỉ gia hạn

một (01) lần, thời gian không quá 12 tháng”.

**5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:**

**“Điều 10. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác**

1. Trước khi khởi công công trình thiết yếu, chủ đầu tư dự án công trình phải gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét cấp phép thi công, thẩm quyền quy định cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải đối với các công trình thiết yếu trên hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đối với hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Trình tự, thời hạn giải quyết và hồ sơ đề nghị cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải.

3. Cơ quan cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá nghiệm thu và tham gia xác nhận hết bảo hành đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình thiết yếu”.

4. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu:

a) Kiểm tra, giám sát chất lượng thi công công trình thiết yếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ. Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công và nhà thầu thi công công trình thiết yếu phải có đủ năng lực hành nghề đối với công trình đường bộ;

b) Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng và bảo hành chất lượng các công trình đường bộ bị ảnh hưởng do việc thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ, bổ sung, cập nhật vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

d) Chủ đầu tư xây dựng công trình thiết yếu có trách nhiệm sửa chữa các hạng mục hoàn trả với cơ quan cấp giấy phép thi công; đồng thời phải quy định trong hợp đồng với nhà thầu thi công công trình thiết yếu nghĩa vụ thực hiện bảo hành chất lượng đối với các hạng mục hoàn trả công trình đường bộ; thời gian bảo hành, mức tiền bảo hành và các yêu cầu khác về bảo hành thực hiện theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày

12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. Số tiền bảo hành chỉ được trả cho nhà thầu thi công xây dựng công trình thiết yếu sau khi có văn bản xác nhận hết bảo hành của chủ đầu tư và cơ quan quản lý đường bộ đã thực hiện cấp phép.

5. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu:

- a) Quản lý, bảo trì công trình theo quy định, đảm bảo an toàn công trình;
- b) Không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, các công trình xung quanh và công tác bảo trì công trình đường bộ trong quá trình khai thác, sử dụng;
- c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tai nạn khi thực hiện việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu;
- d) Thực hiện việc đề nghị cấp Giấy phép thi công khi sửa chữa công trình thiết yếu nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ theo quy định tại Điều này”.

**6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:**

**“Điều 11. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác**

1. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ, tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.
2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 (một phẩy ba) lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 (năm) mét.
3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.
4. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận xây dựng, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác được quy định như sau:
  - a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận xây dựng, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý.
  - b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chấp thuận xây dựng, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới



hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

5. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết việc chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải”.

#### **7. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:**

**“Điều 13. Chấp thuận xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác**

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ các dự án do các cơ quan quản lý đường bộ dưới đây là cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư), Chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét chấp thuận, thẩm quyền quy định cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đối với hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Trình tự, thời hạn giải quyết và hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải”.

#### **8. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:**

**“Điều 14. Cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác**

1. Trước khi khởi công công trình đường bộ, chủ đầu tư dự án công trình phải gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét cấp phép thi công, thẩm quyền quy định cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đối với hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Trình tự, thời hạn giải quyết và hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải”.

3. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo đường bộ đối với hệ thống đường địa phương đang khai thác do các cơ quan quản lý đường bộ là chủ đầu tư, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công; nhưng trước khi thi công, Ban Quản

lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ gồm: Quyết định duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt kể cả phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đến cơ quan quản lý đường bộ xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp Giấy phép thi công nhưng phải nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ”.

**9. Sửa đổi Khoản 1, Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều 15 và bổ sung Điểm d Khoản 3 Điều 15 như sau:**

**a) Sửa đổi Khoản 1 Điều 15 như sau:**

“1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh bao gồm:

- a) Đường đô thị, đường huyện, đường xã;
- b) Đường chuyên dùng: Đường lâm nghiệp; đường khai thác mỏ; đường phục vụ thi công; đường khu, cụm công nghiệp;
- c) Đường gom, đường nối từ đường gom;
- d) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu; đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ (trừ nhà ở riêng lẻ)”.

**b) Sửa đổi Điểm a Khoản 3 Điều 15 như sau:**

“a) Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh của đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường chuyên dùng, đường gom và đường nối từ đường gom được quy định như sau:

- Trong khu vực nội thành, nội thị: Theo quy hoạch giao thông đô thị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Ngoài khu vực nội thành, nội thị:

+ Đối với tuyến đường xây dựng mới khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến đường tỉnh; cụ thể là: đối với đường cấp III không nhỏ hơn 1.500 mét (một nghìn năm trăm mét), đối với đường cấp IV không nhỏ hơn 1.200 mét (một nghìn hai trăm mét), đối với đường cấp V trở xuống không nhỏ hơn 1.000 mét (một nghìn mét).

+ Đối với đường hiện hữu, đường cải tạo nâng cấp là đường cấp III không nhỏ hơn 1.200 mét (một nghìn hai trăm mét), đối với đường cấp IV không nhỏ hơn 1.000 mét (một nghìn mét), đường cấp V trở xuống không nhỏ hơn 700 mét (bảy trăm mét).

+ Trường hợp khu vực có địa hình mà hành lang an toàn đường bộ bị chia cắt như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác không thể di dời được, khoảng cách giữa hai điểm đầu nối phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nhưng không nhỏ hơn 500 mét (năm trăm mét)”.

**c) Sửa đổi Điểm b Khoản 3 Điều 15 như sau:**

“b) Khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề (tính từ

điểm giữa của cửa hàng) đầu nối đường dẫn ra, vào với đường tỉnh, vừa phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối được quy định tại Điểm a Khoản này, đồng thời vừa phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu, như sau:

- Trong khu vực nội thành, nội thị: Theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Ngoài khu vực nội thành, nội thị: Khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo một bên của đoạn đường tỉnh không nhỏ hơn 8.000 mét (tám nghìn mét) và liền kề khác bên không nhỏ hơn 4.000 mét (bốn nghìn mét)”.

**d) Bổ sung Điểm d Khoản 3 Điều 15 như sau:**

“d) Đối với trường hợp cửa hàng xăng dầu nằm ngoài khu vực nội thành, nội thị, giáp ranh với khu vực nội thành, nội thị, khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề cùng phía được áp dụng như quy định đối với khu vực ngoài đô thị và được tính từ cửa hàng xăng dầu gần nhất trong khu vực nội thành, nội thị”.

**10. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:**

**“Điều 16. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương**

1. Trước khi nâng cấp hoặc cải tạo nút giao: Chủ công trình, dự án căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, lập và gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét chấp thuận, thẩm quyền quy định cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đối với hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Trình tự, thời hạn giải quyết và hồ sơ đề nghị chấp thuận, gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

3. Đối với các dự án đường bộ xây dựng mới đã được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Giao thông vận tải phê duyệt thiết kế có đầu nối vào đường tỉnh hoặc các dự án đường bộ xây dựng mới đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt thiết kế có đầu nối vào đường huyện, không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông nút giao.

4. Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị 12 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá thời hạn trên, phải thực hiện việc gia hạn và chỉ gia hạn một (01) lần, thời gian không quá 12 tháng”.

**11. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:**

**“Điều 17. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa**

**phương**

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương được quy định như sau:

a) Sở Giao thông vận tải đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đối với hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Trình tự, thời hạn giải quyết và hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

3. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

5. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này”.

**12. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:****“Điều 18. Đầu nối tạm có thời hạn vào hệ thống đường địa phương đang khai thác**

1. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn, hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đầu nối tạm thời để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc; hết thời hạn đầu nối tạm sẽ hoàn trả hiện trạng ban đầu của hành lang an toàn đường bộ.

2. Thời hạn sử dụng điểm đầu nối tạm quy định tại Khoản 1 Điều này bằng tiến độ thi công của dự án nhưng không quá 12 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn 01 (một) lần nhưng tổng thời gian mở điểm đầu nối tạm không quá 24 tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đầu nối tạm và hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu. Trường hợp dự án, công trình có tiến độ thi công lớn hơn 24 tháng, phải làm đường gom nối từ dự án đến nút giao điểm đầu nối gần nhất có trong Quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

2. Trình tự, hồ sơ đề nghị đầu nối tạm thời có thời hạn thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

3. Việc chấp thuận thiết kế, cấp giấy phép thi công điểm đầu nối tạm thời thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Quy định này.

**13. Bãi bỏ các biểu mẫu Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 và Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định.**

**Điều 2.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *lgl*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- LĐVP, CV
- Lưu VT, K19. *lgl*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan cao Thắng**